

Số: 1731 /QĐ-ĐVTDT

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện
của học sinh, sinh viên hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 03/12/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành quy chế hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-ĐVTDT ngày 16/10/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với hệ đào tạo Đại học chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh, sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên hệ chính quy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 541/QĐ-ĐVTDT, ngày 26/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các phòng: Công tác Chính trị - HSSV, Quản lý đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các khoa, Trưởng các đơn vị có liên quan, Cố vấn học tập và học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Ban Giám hiệu; (để b/c)
- Như Điều 3 ; (để t/h)
- Lưu VT, CTCT -HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đồng Hương Lan

QUY ĐỊNH

Về đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên hệ chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1731 /QĐ-ĐVTDT ngày 28 tháng 11 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM RÈN LUYỆN

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của học sinh, sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
- b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- e) Năng lực tổ chức, ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác của Nhà trường.
- g) Học sinh, sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100 và không vượt quá 100 điểm dựa trên nội dung Bảng đánh giá rèn luyện của học sinh, sinh viên kèm theo quy định này.

II. PHÂN LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

III. PHÂN LOẠI ĐỂ ĐÁNH GIÁ

1. Tại học kỳ học sinh, sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

2. Tại học kỳ học sinh, sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

3. Học sinh, sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Học sinh, sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Học sinh, sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

6. Học sinh, sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh, sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Học sinh, sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Học sinh, sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên.

9. Học sinh, sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

IV. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

1. Hàng tháng, Phòng CTCT-HSSV phối hợp với các khoa, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên kiểm tra hành chính giảng đường, ý thức tham gia các hoạt động của khoa và nhà trường, (các cuộc điều động HSSV tham dự các sự kiện chính trị, xã hội của Nhà trường, của Tỉnh...). Tổng hợp các điểm thưởng, các điểm vi phạm của HSSV trong tháng tích lũy đến cuối học kỳ làm cơ sở để Hội đồng cấp khoa và Hội đồng cấp Trường xét công nhận kết quả rèn luyện.

Đầu mỗi học kỳ chính, Cố vấn học tập của lớp học sinh, sinh viên tổ chức sinh hoạt lớp để phổ biến, hướng dẫn việc đánh giá rèn luyện đến từng thành viên trong lớp. Buổi sinh hoạt lớp phải có biên bản theo mẫu và danh sách học sinh, sinh viên tham dự kèm theo.

2. Cuối mỗi học kỳ chính học sinh, sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do cơ sở giáo dục đại học quy định.

3. Cố vấn học tập cùng với Ban cán sự lớp linh hoạt cách thức tổ chức để họp lớp, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm đánh giá của từng học sinh, sinh viên. Buổi sinh hoạt lớp phải có sự tham gia của Cố vấn học tập, Cố vấn học tập gửi kết quả đánh giá rèn luyện của lớp kèm theo biên bản sinh hoạt lớp về Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp khoa (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa). Hội đồng cấp khoa gồm:

- | | |
|-------------------------------------|-------------------|
| - Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa: | Chủ tịch Hội đồng |
| - Cố vấn học tập: | Ủy viên |
| - Đại diện HSSV của khoa: | Ủy viên |
| - Giáo vụ khoa: | Ủy viên - Thư ký |

4. Hội đồng cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trưởng khoa thông qua và gửi kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường). Hội đồng cấp trường gồm:

- | | |
|---|-------------------|
| - Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng: | Chủ tịch Hội đồng |
| - Trưởng phòng Công tác chính trị - HSSV: | Ủy viên trực |
| - Trưởng phòng Quản lý Đào tạo: | Ủy viên. |
| - Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính: | Ủy viên |
| - Bí thư Đoàn Trường: | Ủy viên |
| - Chủ tịch Hội sinh viên: | Ủy viên |
| - Chuyên viên Phòng Công tác chính trị và HSSV: | Ủy viên – Thư ký. |

5. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

6. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của học sinh, sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho học sinh, sinh viên biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

V. SỬ DỤNG KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của học sinh, sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên của Trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, chế độ chính sách, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét giải quyết hỗ trợ việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, chính sách hỗ trợ theo NĐ 116, dịch vụ và sinh hoạt trong Nhà trường và các ưu tiên khác tùy theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của học sinh, sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên của cơ sở giáo dục đại học, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

4. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của học sinh, sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

5. Học sinh, sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

6. Học sinh, sinh viên bị xếp loại rèn luyện từ loại yếu trở xuống trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện từ loại yếu trở xuống hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

VI. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Tiêu chí 1: Đánh giá về ý thức tham gia học tập

Tổng các nội dung có thể nhiều hơn 20 điểm nhưng tối đa được tính là 20 điểm

| STT | Nội dung đánh giá và mức điểm | | Điểm tối đa |
|------|--|-------------|-------------|
| 1.1 | Kết quả học tập | | 12 điểm |
| | Xuất sắc | +12 điểm | |
| | Giỏi | +10 điểm | |
| | Khá | +8 điểm | |
| | Trung bình | +6 điểm | |
| | Dưới trung bình | 0 điểm | |
| 1.2. | Điểm học tập tăng so với học kỳ trước: Trường hợp học sinh, sinh viên đạt điểm trung bình học kỳ là 10/10 (đối với học sinh TCNK) và 4.0/4.0 sinh viên vẫn được ghi nhận điểm cộng | | 3 điểm |
| 1.3. | Thành viên CLB học thuật, sở thích | | 3 điểm |
| 1.4. | Tham gia hoạt động học thuật và tương đương | | 20 điểm |
| | Cấp Quốc gia | +12 điểm | |
| | Cấp Tỉnh/Thành phố | +10 điểm | |
| | Cấp trường | +5 điểm | |
| | Cấp khoa | +3 điểm | |
| | Đơn vị ngoài trường | +4 điểm | |
| | HSSV tham gia và có giải thưởng được cộng thêm 4 điểm | | |
| | HSSV là tham gia công tác tổ chức hội thảo được cộng thêm 01 điểm | | |
| 1.5. | Tham gia hội thảo chuyên đề, hội thảo NCKH | | 20 điểm |
| | Cấp Trường | +5 điểm/lần | |
| | Cấp Khoa | +3 điểm/lần | |

| STT | Nội dung đánh giá và mức điểm | | Điểm tối đa |
|------|---|-----------------|-------------|
| | HSSV là tham gia công tác tổ chức hội thảo được cộng thêm 01 điểm | | |
| 1.6. | Vi phạm quy chế học vụ | -5 điểm/lần | -20 điểm |
| 1.7. | Bị cấm thi | -5điểm/Học phần | -20 điểm |

Tiêu chí 2: Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường

Tổng số điểm trừ của các nội dung có thể nhiều hơn 25 điểm nhưng điểm trừ tối đa được tính là -25 điểm

| STT | Nội dung đánh giá | | Điểm tối đa |
|------|--|----------|-------------|
| 2.1. | Mỗi học sinh, sinh viên được điểm mặc định | | 25 điểm |
| | Điểm trừ do vi phạm nội quy, quy chế bị xử lý kỷ luật (cho một lần vi phạm) | | -25 điểm |
| | Không tham gia SHCD đầy đủ | -5 điểm | |
| | Không tham gia BHYT | -5 điểm | |
| | Trang phục không nghiêm túc | -5 điểm | |
| | Không giữ vệ sinh trường, lớp: | -5 điểm | |
| | Không đeo thẻ HSSV khi đến trường | -5 điểm | |
| 2.2. | Hút thuốc không đúng nơi quy định | -5 điểm | |
| | Không cập nhật thông tin học sinh, sinh viên / thông tin ngoại trú học sinh, sinh viên | -5 điểm | |
| | Không tham gia các khảo sát | -5 điểm | |
| | Không hoàn thiện hồ sơ học sinh, sinh viên theo quy định | -5 điểm | |
| | Vi phạm kỷ luật khiển trách | -10 điểm | |
| | Vi phạm nội quy, quy chế khác | -5 điểm | |

Tiêu chí 3: Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa văn nghệ, TDTT, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

Tổng các nội dung có thể nhiều hơn 20 điểm nhưng tối đa được tính là 20 điểm

| STT | Nội dung đánh giá | | Điểm tối đa |
|------|--|--|-------------|
| 3.1. | Tham gia xây dựng đóng góp cho Khoa, Trường, quảng bá hình ảnh nhà trường thông qua các hoạt động (có minh chứng cụ thể) | | 3 điểm |

| STT | Nội dung đánh giá | Điểm tối đa |
|------|---|----------------|
| 3.2. | Tham gia hoạt động phong trào, ngoại khoá | 20 điểm |
| | Cấp trường | +3 điểm/HĐ |
| | Cấp khoa | +2 điểm/HĐ |
| | Cấp CLB do CLB/lớp tổ chức | +1 điểm/HĐ |
| | Hoạt động tại địa phương (<i>HSSV nộp minh chứng để được ghi nhận</i>) | +2 điểm/HĐ |
| | Học sinh, sinh viên đăng ký hoặc được điều động nhưng không tham gia các hoạt động | -5 điểm/lần |
| | HSSV tham gia và đạt giải được cộng thêm 03 điểm | |
| | HSSV là BTC/ CTV tổ chức được cộng thêm 01 điểm | |
| 3.3. | Thành viên sinh hoạt thường xuyên tại các CLB Học sinh, sinh viên (trừ CLB học thuật và CLB thiện nguyện) | 3 điểm |

Tiêu chí 4: Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

Tổng số điểm trừ của các nội dung có thể nhiều hơn 25 điểm nhưng tối đa được tính là 25 điểm

| STT | Nội dung đánh giá | Điểm tối đa |
|------|---|----------------|
| 4.1. | Mỗi học sinh, sinh viên nhận được điểm mặc định | 15 điểm |
| 4.2. | Điểm trừ do vi phạm nội quy, quy chế bị xử lý kỷ luật (cho một lần vi phạm, có biên bản xử lý) | |
| | Phát ngôn không chuẩn mực trên mạng xã hội | -10 điểm |
| | Gây rối, làm mất an ninh chính trị xã hội | -10 điểm |
| | Vi phạm quy định địa phương nơi cư trú | -5 điểm |
| | Vi phạm luật an toàn giao thông | -5 điểm |
| 4.3. | Tham gia các hoạt động tình nguyện, các dự án tình nguyện trong do Khoa/Trường tổ chức | 20 điểm |
| | Cấp trường | +3 điểm/HĐ |

| STT | Nội dung đánh giá | | Điểm tối đa |
|-------------|---|------------|---------------|
| | Cấp Khoa | +2 điểm/HĐ | |
| | Hoạt động tại địa phương hoặc ngoài trường <i>(HSSV nộp minh chứng để được ghi nhận)</i> | +2 điểm/HĐ | |
| | HSSV là Ban tổ chức/Cộng tác viên tổ chức được cộng thêm 01 điểm | | |
| 4.4. | Thành viên CLB thiện nguyện | | 3 điểm |

Tiêu chí 5: Năng lực tổ chức, ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác.

Tổng các nội dung có thể nhiều hơn 10 điểm nhưng điểm tối đa được tính là 10 điểm

| STT | Nội dung đánh giá | | Điểm tối đa |
|-------------|--|----------|----------------|
| 5.1. | Ban cán sự lớp, Cán bộ Đoàn/Hội, Ban chủ nhiệm CLB học sinh, sinh viên, Ban liên lạc LHS Lào <i>(Phải có quyết định hoặc văn bản công nhận chức vụ từ đầu năm học, nếu 1 người giữ vai trò kiêm nhiệm sẽ tính ở chức vụ cao nhất)</i> | +10 điểm | 10 điểm |
| 5.2. | Ban cán sự lớp, Cán bộ Đoàn/Hội, Ban chủ nhiệm CLB học sinh, sinh viên, Hội đồng học sinh, sinh viên quốc tế, Tổ trưởng tổ chuyên môn hoàn thành tốt nhiệm vụ <i>(Phải có quyết định hoặc văn bản công nhận chức vụ từ đầu năm học, nếu 1 người giữ vai trò kiêm nhiệm sẽ tính ở chức vụ cao nhất)</i> | +5 điểm | 5 điểm |
| 5.3. | Học sinh, sinh viên không phải là Ban cán sự lớp, Cán bộ Đoàn/Hội, Ban chủ nhiệm CLB học sinh, sinh viên...hỗ trợ tích cực và tham gia các hoạt động chung của lớp, tập thể, Khoa, Viện, Trung tâm và Nhà trường. <i>(Theo danh sách đề nghị của các đơn vị)</i> | +3 điểm | 3 điểm |
| 5.4. | Học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động kỹ năng do Khoa/Trường tổ chức | | 10 điểm |

| STT | Nội dung đánh giá | | Điểm tối đa |
|-----|---|--------------|------------------|
| | Cấp trường | +3 điểm/HĐ | |
| | Cấp Khoa | +2 điểm/HĐ | |
| | Hoạt động tại địa phương hoặc ngoài trường (HSSV nộp minh chứng để được ghi nhận) | +2 điểm/HĐ | |
| | HSSV là BTC/ CTV tổ chức được cộng thêm 01 điểm | | |
| 5.5 | Điểm trừ: Cán bộ lớp, đoàn, hội không thực hiện nhiệm vụ được phân công, không tham gia các cuộc họp theo thông báo huy động của Khoa, Trường. | - 3 điểm/lần | - 10 điểm |

Tiêu chí 6. Học sinh, sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

Tổng điểm cộng thêm không quá 10 điểm

| STT | Nội dung đánh giá | | Điểm tối đa |
|------|---|----------|----------------|
| 6.1. | Học sinh, sinh viên được khen thưởng (có quyết định kèm theo) | | 10 điểm |
| | Khen thưởng cấp quốc gia, cấp Bộ | +10 điểm | |
| | Khen thưởng cấp tỉnh/thành phố | +8 điểm | |
| | Khen thưởng cấp trường/quận, huyện | +6 điểm | |
| 6.2. | Học sinh, sinh viên được biểu dương, giấy chứng nhận thành tích (không có quyết định kèm theo) | +5 điểm | |
| 6.3. | Khen thưởng đột xuất khác | +5 điểm | |
| 6.4. | Các trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt (HSSV nộp minh chứng để được ghi nhận) | | |
| | Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ | +10 điểm | |
| | Học sinh, sinh viên khuyết tật, khó khăn trong đi lại và sinh hoạt | +10 điểm | |
| | Học sinh, sinh viên được nhận học bổng toàn phần hoặc bán phần phải xét điều kiện duy trì mỗi học kỳ. | +5 điểm | |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LỚP
Lớp.....khoa.....

1. Thời gian, địa điểm, mục đích tổ chức cuộc họp:

- Thời gian:

- Địa điểm:

- Mục đích: Đánh giá kết quả rèn luyện HSSV học kỳ..... năm học

2. Thành phần tham dự:

- Cố vấn học tập

- Sĩ số lớp: bạn. Có mặt: Vắng mặt: Có phép: Không phép:
.....

3. Chủ tọa, thư ký cuộc họp:

- Chủ tọa:

- Thư ký:

4. Nội dung cuộc họp:

4.1. Thông qua nội dung quy chế đánh giá kết quả rèn luyện HSSV:

.....
.....
.....

4.2. Từng HSSV đánh giá bản thân và tự nhận điểm rèn luyện:

.....
.....
.....

4.3. Phát biểu của Cố vấn học tập thông qua số điểm rèn luyện của từng HSSV:

.....
.....
.....

5. Kết quả điểm rèn luyện của từng HSSV (có danh sách kèm theo).

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ..... cùng ngày.

Chủ tọa

(ký và ghi rõ họ tên)

Thư ký

(ký và ghi rõ họ tên)

KHOA.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BẢNG TỔNG HỢP
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC SINH, SINH VIÊN
Học kỳ Năm học

Kính gửi: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp Trường

Căn cứ Quy chế Đánh giá kết quả rèn luyện HSSV;

Căn cứ Biên bản của các lớp học đánh giá kết quả rèn luyện HSSV học kỳ.....
năm học Hội đồng cấp khoa đã tiến hành họp đánh giá điểm rèn
luyện của học sinh, sinh viên báo cáo tổng hợp kết quả như sau:

| STT | Họ và tên HSSV | Ngày sinh | Số điểm rèn luyện | Xếp loại |
|-----|----------------|------------|----------------------|----------|
| I | Lớp..... | | | |
| 1 | Nguyễn văn A | 01/01/2005 | 80 | Tốt |
| 2 | | | | |
| II | Lớp..... | | | |
| 1 | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

NGƯỜI LẬP

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20
HỘI ĐỒNG CẤP KHOA